

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HS-PT

Ngày: 15-5-2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Minh Hương

Ông Nguyễn Văn Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 42/2018/TLPT-HS ngày 24-4-2018 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T; do kháng cáo của bị hại ông Đoàn Văn C đối với bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HS-ST ngày 20-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 tại Thái Bình; Nơi cư trú: thôn Đ, xã NN, huyện H, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ văn hóa 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết), con bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1937; Vợ là Kim Thị N (đã ly hôn năm 1998); có hai con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1996.

Tiền án: Năm 2002 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Năm 2004 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Năm 2008 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Năm 2012 bị Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xử phạt 04 năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05-11-2015.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28-9-2017 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện D. Có mặt.

- Bị hại kháng cáo:

Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Tổ dân phố 5A, thị trấn N, huyện G, tỉnh Nam Định. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trong vụ án này, bị hại Văn phòng huyện ủy D; ông Nguyễn C; ông Hồ Sỹ H; nguyên đơn dân sự TAND huyện G, tỉnh Nam Định; người liên quan anh T, anh Q không kháng cáo, không bị cáo kháng, kháng nghị

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, hành vi bị cáo bị truy tố, xét xử được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 28-8-2017, bị cáo T đi xe đồ từ huyện Đ đến thị trấn D, huyện D để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 20 giờ 30 cùng ngày, bị cáo xuống xe đi bộ đến khu vực phía sau trụ sở Huyện ủy và UBND huyện D. Sau khi quan sát không có người, bị cáo trèo qua hàng rào sau đó vào khu nhà làm việc của Huyện ủy D, mở cửa vào phòng làm việc của Bí thư Huyện ủy lấy một máy tính xách tay (*hiệu Dell Inspiron N3558D*), 01 con chuột máy tính, một chứng minh nhân dân (*sau đây viết tắt CMND*) tên Nguyễn C. Bị cáo tiếp tục cạy cửa phòng làm việc của Chánh văn phòng Huyện ủy lấy 01 máy tính xách tay (*hiệu Dell Inspiron Intell Core I30430U*), 01 đôi giày thể thao hiệu ADIDAS, số tiền 200.000đ; một CMND tên Hồ Sỹ H. Bị cáo nghỉ một một lúc, sau đó bị cáo tiếp tục cạy cửa vào phòng làm việc của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy lấy 03 kg trà Ô Long, một chai rượu Remy Martin VSOP Black; sau đó bị cáo leo qua hàng rào ra ngoài đến Công viên Di Linh ngồi chờ, đến khoảng 05 giờ 30 ngày 29-8-2017, bị cáo đón xe đồ xuống ngã ba Dầu Giây thuộc tỉnh Đồng Nai, sau đó đón xe đồ về tỉnh Thái Bình.

Bị cáo T bán cho anh Th máy tính xách tay (*hiệu Dell Inspiron Intell Core I30430U*) được 1.500.000đ; bán cho anh H máy tính hiệu (*Dell Inspiron N3558D*) được 3.000.000đ, sau đó anh Q bán lại cho người khác nhưng không rõ họ, tên, địa chỉ nên không thu hồi được. Đối với các tài sản 01 đôi giày thể thao, 03kg trà Ô Long; 01 chai rượu Remy Martin VSOP Black. CMND tên Nguyễn C, CMND tên Hồ Sỹ Huy, bị cáo khai đã bỏ trên xe đồ đi từ thị trấn D đến ngã ba D, tỉnh Đồng Nai, nên không thu hồi được,

Ngoài ra, chiều tối ngày 09-9-2017, bị cáo đến thị trấn N, huyện G, tỉnh Nam Định với mục đích trộm cắp tài sản. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo đến trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Nam Định (*sau đây viết tắt TAND huyện G*); bị cáo trèo qua hàng rào phía trước thấy 01 con dao; 01 đôi găng tay cao su ở khu vực phía sau trụ sở, bị cáo sử dụng những vật này, trèo lên cây nhãn giáp tường lên tầng 2, đến phòng số 207 (*phòng làm việc của Chánh án ông Đoàn Văn C*) dùng dao cạy nẹp cửa, ổ khóa của phòng, tiếp tục dùng dao cạy cửa tủ lấy được một xấp tiền bỏ vào túi quần, sau đó bị cáo ra nhà vệ sinh gần đó tháo đôi găng tay cho vào chậu xả nước với mục đích để xóa dấu vết, rồi theo lối cũ xuống dưới, trèo qua hàng rào ra đường về nhà nghỉ, bị cáo đếm số tiền trộm cắp 73.000.000đ.

Tài sản bị cáo trộm cắp tại huyện D được trưng cầu định giá trong tố tụng hình sự; xác định một máy tính xách tay (*hiệu Dell Inspiron Intell Core I30430U*) trị giá 11.115.000đ; một máy tính xách tay (*hiệu Dell Inspiron N3558D*) trị giá 10.400.000đ; 01 đôi giày thể thao hiệu ADIDAS trị giá

200.000đ; 03kg trà Ô Long trị giá 1.005.000 đồng; 01 chai rượu Remy Martin VSOP Black trị giá 1.000.000đ.

Đối với máy tính xách tay (*hiệu Dell Inspiron Intell Core I30430U*), cơ quan điều tra đã thu hồi của anh Th, sau đó xử lý vật chứng trả cho Văn phòng Huyện ủy D; ông Th yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.500.000đ. Đối với tài sản bị cáo trộm cắp không thu hồi được, Văn phòng huyện ủy D yêu cầu bị cáo bồi thường các tài sản gồm một máy tính xách tay (*hiệu Dell Inspiron N3558D*); 03kg trà Ô Long; 01 chai rượu Remy Martin VSOP Black trị giá 12.405.000đ. Ông H yêu cầu bồi thường tài sản cá nhân là 200.000đ; 01 đôi giày thể thao hiệu ADIDAS trị giá 200.000đ.

Tài sản bị cáo trộm cắp tại TAND huyện G số tiền 73.000.000đ được xác định tài sản của cá nhân ông C. Tuy nhiên, ông C xác định bị mất 119.000.000đ và yêu cầu bị cáo bồi thường, còn bị cáo chỉ thừa nhận trộm được 73.000.000đ. Đối với cửa phòng bị hư hỏng, TAND huyện G đã sửa chữa hết số tiền 497.000đ; yêu cầu bị cáo yêu cầu bồi thường.

Vật chứng: Công an huyện G đã thu giữ 01 túi nhựa, 03 phong bì, 01 vỏ bao lì xì; 02 túi nylon trả cho chủ sở hữu ông Ca; thu giữ 01 con dao, 01 đôi găng tay cao su; 01 nẹp cửa, sau đó xử lý vật chứng trả lại cho TAND huyện G.

Tại bản án số 11/2018/HS-ST ngày 20-3-2018 của TAND huyện D tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c, điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (*sau đây gọi chung Bộ luật hình sự năm 1999*); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28-9-2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại ông Đoàn Văn C, buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho bị hại ông Đoàn Văn C số tiền 73.000.000đ. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại ông Đoàn Văn C; yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 46.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn buộc bị cáo bồi thường cho bị hại, xử lý vật chứng; buộc chịu án phí, tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 29-3-2018 bị hại ông Ca kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số bị cáo trộm cắp 119.000.000đ; kháng cáo về án phí dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm; Bị cáo T khai nhận như bản án sơ thẩm quy kết, không thắc mắc khiếu nại đối với bản án sơ thẩm. Liên quan đến kháng cáo của bị hại ông C, bị cáo T xác định chỉ trộm được số tiền 73.000.000đ, nên đồng ý bồi thường cho bị hại ông C số tiền này; không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông C về yêu cầu bồi thường 119.000.000đ.

Đối với bị hại ông C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đồng thời xác định bị cáo trộm của bị hại số tiền 119.000.000đ, chứ không phải số tiền 73.000.000đ như án sơ thẩm quy kết, bản án sơ thẩm còn buộc bị hại chịu án phí là không đúng; đề nghị chấp nhận kháng cáo buộc bị cáo bồi thường 119.000.000đ; bị hại không phải chịu án phí dân sự

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại ông C kháng cáo nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề tiên hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Về tư cách tố tụng: Bản án sơ thẩm xác định TAND huyện G là nguyên đơn dân sự là không đúng. Bởi lẽ bị cáo cạy cửa vào phòng trộm cắp gây thiệt hại hư hỏng phải sửa chữa lại khóa cửa phòng, nẹp cửa phòng trị giá 497.000đ. Tuy nhiên, hành vi gây thiệt hại này không bị truy tố nhưng buộc bị cáo phải bồi thường là đúng, nên xác định tư cách tố tụng của TAND huyện G là “người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan” mới đúng quy định Điều 65 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngoài ra, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Văn phòng Huyện ủy D và bị truy tố, nên xác định tư cách tố tụng của Văn phòng Huyện ủy D là “nguyên đơn dân sự” mới đúng quy định Điều 63 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm xác định Văn phòng Huyện ủy D là “bị hại” là không đúng, nên cần rút kinh nghiệm chung.

[2] Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 28-8-2017, bị cáo T trèo qua hàng rào sau đó vào khu nhà làm việc của Huyện ủy D, mở cửa các vào phòng làm việc của Bí thư; Chánh văn phòng; Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, bị cáo T đã trộm các 02 máy tính xách tay (01 cái hiệu Dell Inspiron N3558D; 01 cái hiệu Dell Inspiron Intell Core I30430U); 01 chuột máy vi tính; 03 kg trà Ô Long, một chai rượu Remy Martin VSOP Black thuộc tài sản của huyện Ủy Di Linh; 01 đôi giày thể thao hiệu ADIDAS, số tiền 200.000đ của bị hại ông H; một CMND tên Nguyễn C, một CMND tên Hồ Sỹ H. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 23.920.000đ

Đến khoảng 23 giờ ngày 09-9-2017, bị cáo đến trụ sở TAND huyện G, tỉnh Nam Định; bị cáo trèo qua hàng rào phía trước vào trụ sở Tòa án, sau đó tiếp tục trèo lên cây nhãn giáp tường lên tầng 2, bị cáo lấy đôi găng tay cao su, dao tại trụ sở Tòa án, sau đó cạy nẹp cửa, ổ khóa của phòng làm việc của Chánh án ông Đoàn Văn C (phòng số 207), tiếp tục dùng dao cạy cửa tủ lấy được một xấp tiền bỏ vào túi quần, sau đó bị cáo theo lối cũ xuống dưới, trèo qua hàng rào ra đường về nhà nghỉ, bị cáo đếm được số tiền 73.000.000đ trộm cắp trong tủ phòng làm việc của ông C.

Đối chiếu giữa lời khai của bị cáo, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai bị hại, người liên quan ông Th, ông Q; kết luận định giá trong tố tụng hình sự xác định giá trị tài sản trộm cắp là 96.920.000đ. Cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị hại ông C, đối chiếu với tài liệu chứng cứ thể hiện: Bị hại ông C cho rằng bị cáo T trộm cắp của bị hại số tiền 119.000.000đ chứ không phải số tiền 73.000.000đ như bản án sơ thẩm quy kết. Bởi lẽ, ngay từ khi sự việc xảy ra, bị hại đã trình bày, khai báo số tiền bị mất rất cụ thể về từng mệnh giá của số tiền bị mất; sau khi trộm được số tiền 119.000.000đ, có thể bị cáo làm rơi “khi bị cáo trèo qua cây nhãn xuống đất, trèo qua hàng rào ra ngoài” hoặc có thể “bị cáo đi xe taxi về nhà nghỉ bị rơi mất”. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm; bị cáo chỉ thừa nhận trộm cắp của bị hại ông C số tiền 73.000.000đ; trong khi đó Cơ quan Điều tra không chứng minh được bị cáo trộm cắp của bị hại số tiền 119.000.000đ như bị hại đã khai báo. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo T trộm cắp của bị hại số tiền 73.000.000đ là có căn cứ, nên kháng cáo của bị hại ông C là không có căn cứ, nên không được chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về bồi thường thiệt hại là phù hợp.

- Bị hại kháng cáo cho rằng bị hại không phải chịu án phí dân sự, trong khi đó bản án sơ thẩm buộc bị hại chịu án phí 2.300.000đ (46.000.000đ x 5%) là không đúng. Đối chiếu điểm e khoản 1 Điều 23 NQ số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện bị hại ông C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 119.000.000đ; trong khi đó bị cáo chỉ thừa nhận trộm số tiền 73.000.000đ; Cơ quan điều tra chỉ chứng minh bị cáo trộm của bị hại số tiền 73.000.000đ và buộc bị cáo bồi thường. Mặc dù đã giải thích nhưng bị hại ông C vẫn yêu cầu bị cáo bồi thường 119.000.000đ, nên bị hại phải chịu án phí phần không được chấp nhận là đúng quy định pháp luật. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông C, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về án phí.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị hại còn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định điểm e khoản 2 Điều 23 NQ số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Đoàn Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm, Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Căn cứ điểm c, điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28-9-2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho Văn phòng Huyện ủy D số tiền 12.405.000đ; bồi thường cho ông Hồ Sỹ H số tiền 400.000đ; bồi thường cho ông Doãn Đức Th số tiền 1.500.000đ; bồi thường cho Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Nam Định số tiền 497.000đ; bồi thường cho ông Đoàn Văn C số tiền 73.000.000đ

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại ông Đoàn Văn C về số tiền 46.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại ông Đoàn Văn C phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Di Linh;
- VKSND huyện Di Linh;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Di Linh;
- Chi cục THSDS huyện Di Linh;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV;
- Bị cáo; Bị hại (*để thi hành*)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Kim Đồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Minh Hương - Nguyễn Văn Phúc

Nguyễn Kim Đồng

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Minh Hương Huỳnh Văn Hiệp

Nguyễn Kim Đồng

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA (1)
- TA huyện Lạc Dương (02)
- VKS huyện Lạc Dương (1)
- Công an huyện Lạc Dương (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (1)
- Chi cục THADS Lạc Dương (1)
- Các bị cáo (*để thi hành*)
- Lưu hồ sơ; Ấn văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Đồng

BÁO CÁO

(Vụ án Nguyễn Văn T “trộm cắp tài sản”)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: